TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2022 /QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 65/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Phố K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Đoàn Thu H, sinh năm: 1993.
Nơi ĐKHKTT: Phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: Xóm T, VB, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn N và chị Đoàn Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho chị Đoàn Thu H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu M cho chị Đoàn Thu H hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 7/2022 cho tới khi cháu M trưởng

thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Trần Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng không ai có nên anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Đoàn Thu H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Văn N không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Trần Văn N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Anh Trần Văn N và chị Đoàn Thu H đều xác định vợ chồng không có tài sản gì, còn về công nợ không có nên anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Trần Văn N nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005586 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THADS huyện Y.
- UBND xã K.
- Đương sự.
- L- u hồ sơ vụ án.